

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

**SỬA ĐỔI 1:2019
TCVN 8936:2011 (ISO 8217:2010)**

**SẢN PHẨM DẦU MỎ – NHIÊN LIỆU (LOẠI F) –
YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI NHIÊN LIỆU HÀNG HẢI**

Petroleum products – Fuels (class F) – Specifications of marine fuels

HÀ NỘI – 2019

Lời nói đầu

SỬA ĐỔI 1:2019/TCVN 8936:2011 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC28 Sản phẩm dầu mỏ và chất bôi trơn biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Sản phẩm dầu mỏ – Nhiên liệu (loại F) – Yêu cầu kỹ thuật đối với nhiên liệu hàng hải

Sửa đổi 1

Petroleum products – Fuels (class F) – Specifications of marine fuels

Amendment 1

Trang 14, Bảng 1

Sửa đổi mức giới hạn của chỉ tiêu hàm lượng lưu huỳnh trong Bảng 1 như sau:

Bảng 1 – Nhiên liệu hàng hải chung cất

Đặc tính	Đơn vị	Giới hạn	Nhóm TCVN-F-				Phương pháp thử
			DMX	DMA	DMZ	DMB	
Hàm lượng lưu huỳnh ^b	% khối lượng	max.	0,5				xem 7.2 TCVN 3172 (ASTM D 4294) TCVN 6701 (ASTM D 2622)
^b Mặc dù các mức giới hạn đã được đưa ra, người mua vẫn phải xác định hàm lượng lưu huỳnh tối đa theo các giới hạn luật pháp quy định có liên quan. Xem Phụ lục C							

Trang 16, Bảng 2

Sửa đổi mức giới hạn của chỉ tiêu hàm lượng lưu huỳnh trong Bảng 2 như sau:

Bảng 2 – Nhiên liệu hàng hải cận

Đặc tính	Đơn vị	Giới hạn	Nhóm TCVN-F-										Phương pháp thử	
			RMA	RMB	RMD	RME	RMG				RMK			
			10	30	80	180	180	380	500	700	380	500		700
Hàm lượng lưu huỳnh ^b	% khối lượng	max.	0,5										xem 7.2 TCVN 3172 (ASTM D 4294) TCVN 6701 (ASTM D 2622)	
^b Mặc dù các mức giới hạn đã được đưa ra, người mua vẫn phải xác định hàm lượng lưu huỳnh tối đa theo các giới hạn luật pháp quy định có liên quan. Xem Phụ lục C														